

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày 05-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phước Hồng.

2. Ông Phạm Minh Hội.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Ông Hà Duy Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Ngọc H**- Sinh năm 1977 (có mặt)
- Nơi ĐKKHKT: ấp T, thị trấn S, huyện C, tỉnh H Giang
- Chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Y, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Mua bán phế liệu;
- Trình độ văn hóa: 7/12;
- Họ tên cha: Nguyễn Ngọc H - Sinh năm: 1935.
- Họ tên mẹ: Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1936
- Vợ: Phạm Ánh X, sinh năm 1980.
- Anh, em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1983 (bị cáo là con thứ hai trong gia đình);

Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004.

- Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố và đang được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/LCĐKNCT ngày 09/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: tổ 16, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Từ Thị T, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Phạm Ánh X, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã Y, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Phạm Văn K, sinh năm 1965.(có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp B, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng:

- Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Nguyễn Văn P (L), sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Chao Ph, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18/6/2018, sau khi uống rượu xong, Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 95G1-017.21 kéo theo xe thô sơ tự chế có khung bằng kim loại trên Quốc lộ N1 đi từ hướng xã P, huyện G về hướng cầu Hà Giang thuộc ấp N, xã Y, thị xã H (nay là thành phố Hà Tiên) tỉnh Kiên Giang, khi xe chạy đến tổ 4, ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ngủ gật nên H đã điều khiển xe chạy lấn sang phần đường bên trái va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 68T6-8712 do chị Nguyễn Thị N điều khiển phía sau chở chị Từ Thị T lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả chị N bị thanh sắt chống của xe kéo đè lên và đâm trúng đùi trái gây thương tích, chị T bị thương nhẹ. Theo kết quả đo nồng độ cồn của H là 0,127mg/l khí thở. Đến ngày 09/10/2018 H bị Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố để điều tra.

Trong quá trình điều tra H tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại giám định pháp y số 499/KL-PY, ngày 25/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang Kết luận đối với chị Nguyễn Thị N dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mổ cắt đùi trái và sẹo lấy da ghép đùi phải sơ cứng, cắt 1/3 giữa đùi trái; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 65% (sáu mươi lăm phần trăm). Vật gây thương tích: thương tích đùi trái (cắt 1/3 giữa) do vật tày diện giới hạn gây nên.

*** Vật chứng thu được trong vụ án:**

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 95G1-01721, màu nâu, số máy 0FMG30113305, số khung 0011L0103305 xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi.

- 01 (một) xe thô sơ (tự chế) có khung bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 68T6-8712, màu đỏ, số máy FMH 0002137, số khung UM6A 002137, nhãn hiệu WAND xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi (đã trả lại cho chủ sở hữu).

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-TA ngày 04/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc H thừa nhận hình vi phạm tội như cáo trạng nêu, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thống nhất với lời trình bày của bị cáo Nguyễn Ngọc H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đề nghị HĐXX ghi nhận việc bị cáo H tự nguyện cấp dưỡng cho bà mỗi tháng 1.500.000đ. Do bị cáo đã thực hiện việc cấp dưỡng được 04 lần từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 nên bị cáo H phải tiếp tục thực hiện kể từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2019, thời hạn giao tiền là ngày 30 hàng tháng.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Tòa án xem xét không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Từ Thị T đã nhận bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000đ nên không có yêu cầu gì; Ông Phạm Văn K cho rằng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 95G1-017.21 đã bán cho bị cáo H vào tháng giêng năm 2016 nên ông không có liên quan và yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng cho bị hại Nguyễn Thị N mỗi tháng số tiền 1.500.000đ từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019. Do bị cáo đã thực hiện được bốn tháng từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 nên bị cáo tiếp tục thực hiện từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2019.

Vật chứng trong vụ án: Xử lý theo quy định pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên thu thập; các tài liệu, chứng cứ do bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình cụ thể: Do ngủ gật nên bị cáo đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 95G1 – 01721 lấn sang phần đường bên trái tông vào xe biển kiểm soát 68T6-8712 do bà N điều khiển hậu quả bà N bị cụt đùi trái bị thương tích tỷ lệ 65%.

Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Mặt khác, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Với hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương có thể 61% trở lên;

.....

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháp luật mặc dù thấy trước hành vi của mình có thể gây ra

hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng do chủ quan nên không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông trong quá trình tham gia giao thông dẫn đến việc phạm tội. Trong vụ án này lỗi thuộc về bị cáo do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo:

Đối với tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Đối với tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”; trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay người bị hại có đơn xin xem xét không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, vừa đủ nghiêm để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là lao động chính trong gia đình tuy nhiên bị cáo thu nhập không ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên miễn xét. Ghi nhận việc bị cáo H tự nguyện hỗ trợ cấp dưỡng cho bị hại Nguyễn Thị N mỗi tháng số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019. Do bị cáo H đã thực hiện được bốn tháng từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 nên bị cáo H còn phải tiếp tục thực hiện từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2019, thời hạn giao tiền là ngày 30 hàng tháng.

[8] Các biện pháp tư pháp: Vật chứng đã trao trả cho chủ sở nên không xem xét.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 95G1-01721, màu nâu, số máy 0FMG30113305, số khung 0011L0103305 xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi; 01 (một) xe thô sơ (tự chế) có khung bằng kim loại, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo phạm tội do lỗi vô ý nên HĐXX tuyên trả lại cho bị cáo.

[9]Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do bị cáo H bị tuyên là có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố H, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên miễn xét. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bị cáo H tự nguyện hỗ trợ cấp dưỡng cho bị hại Nguyễn Thị N mỗi tháng số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019. Do bị cáo H đã thực hiện được bốn tháng từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 nên bị cáo H còn phải tiếp tục thực hiện từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2019, thời hạn giao tiền là ngày 30 hàng tháng. (Nếu việc thi hành trùng vào ngày nghỉ thì việc thi hành được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo của tháng đó).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi được quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Vật chứng trong vụ án đã trao trả cho chủ sở hữu nên không xét.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 95G1-01721, màu nâu, số máy 0FMG30113305, số khung 0011L0103305 xe đã

qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi; 01 (một) xe thô sơ (tự chế) có khung bằng kim loại, đã qua sử dụng

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2019. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện G;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Phước Lộc